

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST

Ngày: 31/5/2019

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Phúc

2. Bà Trần Thị Kim Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yên Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Phùng Văn T, sinh năm: 1944;

Địa chỉ: Số 406C2, khu phố S, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp TBM, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Ông Trần Anh P, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Số 339C1, khu phố S, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phùng Văn T là ông Nguyễn Vũ B trình bày:

Ngày 19/8/2013, ông Phùng Văn T có cho ông Trần Anh P vay số tiền là 500.000.000 đồng để kinh doanh mua bán dừa xiêm, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả là 01 năm và hai bên có làm hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng

được công chứng tại văn phòng công chứng Đ ngày 19/8/2013. Đến ngày 25/12/2013, ông T có cho ông P vay thêm số tiền 150.000.000 đồng nhưng không có làm hợp đồng bằng văn bản. Tổng cộng, ông T cho ông P vay số tiền 650.000.000 đồng. Ngày 09/5/2016, ông T gửi đơn tố cáo ông P đến Công an thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Ngày 15/8/2016, Công an thành phố BT, tỉnh Bến Tre mời ông T và ông P đến giải quyết và thỏa thuận, theo đó ông P thừa nhận có vay nợ của ông T với tổng số tiền 650.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông T 5.000.000 đồng và trong thời hạn 01 năm tính từ ngày 19/8/2016 sẽ trả hết nợ cho ông T. Tuy nhiên, ông P không thực hiện theo cam kết mà bỏ trốn, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông P trả cho ông số nợ vay với số tiền gốc là 650.000.000 đồng, đồng thời ông T thay đổi yêu cầu tính lãi đối với tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 19/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 21 tháng 12 ngày ($21 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} \times 650.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng}$) = 104.325.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi yêu cầu ông P phải trả là 754.325.000 đồng.

Do bận công việc đột xuất nên ông B không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy, ông B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai triệu tập hợp lệ ông P đến để tiến hành hòa giải nhưng ông P vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phùng Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Anh P trả số tiền đã vay là 650.000.000 đồng. Mặc dù theo xác nhận của công an phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thể hiện ông P không còn sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên, theo hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng được công chứng tại văn phòng công chứng Đ ngày 19/8/2013 giữa ông T và ông P thể hiện địa chỉ cư trú của ông P ở phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, việc ông P thay đổi nơi cư trú không thông báo cho phía ông T biết nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Vũ B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Anh P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông P vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi từ 1%/tháng tính từ ngày 19/8/2016 thành còn 0,75%/tháng tính từ ngày 19/8/2017. Xét thấy, việc thay đổi

yêu cầu tính lãi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16/8/2013, ông T cho ông P vay tiền thời hạn 01 năm từ ngày 16/8/2013 đến ngày 16/8/2014. Vào ngày 15/8/2016, ông T và ông P có thỏa thuận về việc trả nợ theo đó ông P thừa nhận có nợ của ông T số tiền 650.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ trả trong vòng 01 năm kể từ ngày 19/8/2016. Vì vậy, đến ngày 19/6/2017, ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 157 và Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[4] Về xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

Về số tiền vốn gốc: Theo hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng được công chứng tại văn phòng công chứng Đ ngày 19/8/2013, ông T có cho ông P vay số tiền 500.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T trình bày ngày 25/12/2013, ông T có tiếp tục cho ông P vay thêm số tiền 150.000.000 đồng nhưng không có làm hợp đồng bằng văn bản. Tổng cộng, ông T cho ông P vay số tiền 650.000.000 đồng. Ngày 09/5/2016, ông T gửi đơn tố cáo ông P đến Công an thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Ngày 15/8/2016, Công an thành phố BT, tỉnh Bến Tre mời ông T và ông P đến giải quyết và thỏa thuận, theo đó ông P thừa nhận có vay nợ của ông T với tổng số tiền 650.000.000 đồng và hứa trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, đồng thời hứa sẽ trả hoàn tất nợ cho ông T trong vòng 01 năm kể từ ngày 19/8/2016. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn nhưng ông P vẫn không trả cho ông T số tiền đã vay nên việc ông T khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền vốn gốc là 650.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi: Theo hợp đồng vay tiền thì lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng không nêu cụ thể lãi suất. Tuy nhiên theo thỏa thuận ngày 15/8/2016 chỉ thỏa thuận về việc trả nợ gốc mà không thỏa thuận trả lãi nên xác định đây là hợp đồng vay không có lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất là 0,75%/tháng tương ứng với nợ gốc chưa trả và thời gian chậm trả là từ ngày 19/8/2017 là không vượt quá so với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, tiền lãi ông P phải trả cho ông T là lãi suất 0,75%/tháng đối với số tiền gốc 650.000.000 đồng, tính từ ngày 19/8/2017 đến ngày 31/5/2019 là 21 tháng 12 ngày (21 tháng 12 ngày x 65.000.000 đồng x 0,75%/tháng) = 104.325.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vốn gốc và lãi ông P phải trả cho ông T là 754.325.000 đồng, bao gồm tiền vốn gốc là 650.000.000 đồng và nợ lãi là 104.325.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T được chấp nhận nên ông Trần Anh Pg phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 + (354.325.000 x 4%) = 34.173.000 đồng.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 157, 357, 429, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn T đối với bị đơn ông Trần Anh P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc ông Trần Anh P có trách nhiệm trả cho ông Phùng Văn T tổng cộng số tiền vay là 754.325.000 (Bảy trăm năm mươi bốn triệu, ba trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng, gồm 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng tiền nợ gốc và 104.325.000 (Một trăm lẻ bốn triệu, ba trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng tiền lãi.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Trần Anh P phải nộp là 34.173.000 (Ba mươi bốn triệu, một trăm, bảy mươi ba nghìn) đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út

